

*

Số -BC/TU

(Dự thảo)

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW

I. Kết quả thực hiện mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể

1. Kết quả thực hiện mục tiêu tổng quát

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW), Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Hà thời gian qua đã có bước phát triển vượt bậc. Với việc triển khai và thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn thành phố, như: Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục; đổi mới công tác quản lý giáo dục; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; đổi mới công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất- kỹ thuật trường học; phát triển mạng lưới trường, lớp học và quy mô giáo dục hợp lý, đổi mới công tác xã hội hóa giáo dục, đẩy mạnh công tác khuyến học khuyến tài, hội nhập quốc tế... ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể

- *Đối với giáo dục mầm non:* Đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho trẻ bước vào lớp 1. 100% cơ sở GDMN đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện đánh giá sự phát triển của trẻ theo đúng quy định của Chương trình GDMN theo độ tuổi. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi, 100% trẻ 5 tuổi được huy động, 99,8% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non. Hệ thống

trường mầm non trên địa bàn thành phố ngày càng được hoàn thiện, được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- *Đối với giáo dục phổ thông*: Chỉ đạo thực hiện các giải pháp về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, xây dựng chương trình giáo dục nhằm phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn được duy trì, củng cố và nâng cao. Công tác giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn được chú trọng. Khuyến khích khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2019-2020. 100% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS, số học sinh tốt nghiệp THCS trong độ tuổi được huy động vào học THPT, GDTX cấp THPT, Trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo nghề 3 năm hàng năm đạt tỉ lệ hơn 98%. Chất lượng phổ cập giáo dục được duy trì, củng cố và nâng cao. Toàn thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS mức độ 3 và chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ cấp độ 2 (mức cao nhất), có 8/9 phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc Trung học. Số thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương hàng năm đạt tỉ lệ hơn 88%.

- *Đối với giáo dục nghề nghiệp*: Chỉ đạo Trung tâm GDNN-GDTX thành phố tăng cường phối hợp, nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Đẩy mạnh công tác giảng dạy văn hóa gắn với công tác dạy nghề phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

- *Đối với giáo dục thường xuyên*: Thực hiện tốt Đề án xây dựng xã hội học tập; chất lượng hoạt động các Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố được củng cố và nâng cao; người dân được tạo nhiều cơ hội để học tập suốt đời, giúp người học có kiến thức, kỹ năng để tiếp tục tham gia các chương trình giáo dục, đáp ứng được yêu cầu của công việc, nâng cao chất lượng cuộc sống.

II. Việc thực hiện 9 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nêu tại Nghị quyết

1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

- *Công tác nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết*: Đã tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH TW Đảng khóa XI; Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ; Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình hành động số 95-CTHĐ/TU ngày 23/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị; Chương trình hành động số 13-CTHĐ/TU ngày 30/9/2014 của Thành ủy Đông Hà cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) và người lao

động trong ngành Giáo dục thông qua các lớp bồi dưỡng chính trị trong năm học và trong bồi dưỡng thường xuyên hè hàng năm trước khi bước vào năm học mới.

- *Công tác tuyên truyền Nghị quyết*: Chỉ đạo kịp thời tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đến cán bộ, công chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn thành phố như: Tuyên truyền công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; các yêu cầu về giáo dục toàn diện cho học sinh, đặc biệt là giáo dục đạo đức, lối sống và rèn luyện kỹ năng sống; công tác xây dựng đội ngũ với cuộc vận động “*Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; công tác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới... Ngoài ra, tuyên truyền thông qua các hội nghị, thông qua các bài viết, bài phóng sự nhân các sự kiện quan trọng của ngành Giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và thành phố; thông qua trang mạng kết nối.

- *Ban hành văn bản cụ thể hóa Nghị quyết*: Đã ban hành Chương trình hành động số 13-CTHD/TU ngày 30/9/2014 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Đồng thời chỉ đạo UBND thành phố ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể (*có phụ lục 1 kèm theo*).

- *Công tác kiểm tra giám sát; sơ kết, tổng kết Nghị quyết*: Đã chỉ đạo UBND thành phố tổ chức đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện đột xuất hoặc định kỳ.

- Với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên nhân viên trong ngành giáo dục thành phố đã khắc phục được tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp, bệnh thành tích trong các trường học; điều tiết số lượng học sinh trong các đơn vị trường học hạn chế xảy ra tình trạng quá tải học sinh ở các trường trung tâm; tình trạng dạy thêm học thêm được kiểm soát, cấp phép theo đúng quy định.

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

a) Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, kỹ năng sống cho học sinh

- Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với cuộc vận động “*Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”, qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm, đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh thông qua thực hiện các phong trào thi đua, các mô hình trong nhà trường và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục thông qua các hoạt động trải nghiệm hướng đến bản thân và cộng đồng, tư vấn tâm lí, xây dựng văn hoá học đường và bảo đảm an ninh, an toàn trường học. Tăng cường các hoạt động ngoại khóa với các hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh (*tổ chức giao lưu, sân chơi, cuộc thi...*).

- Chỉ đạo UBND thành phố chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố phối hợp với Thành đoàn thành phố triển khai có hiệu quả nội dung hoạt động Đoàn - Đội - Sao nhi đồng ở các trường hàng năm có chất lượng.

b) Đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học

- Tiếp tục chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu và 10 năng lực cốt lõi cho học sinh thông qua nội dung kiến thức các môn học và qua các phương pháp giáo dục như dạy học phân hóa, dạy học thông qua các chủ đề, học phân, môn học tích hợp, hoạt động tự học, thực hành vận dụng của người học...

- Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Triển khai việc dạy học trực tuyến, mô hình giáo dục điện tử, lớp học thông minh.

* Kết quả thực hiện dạy học lấy trẻ làm trung tâm: Các cơ sở GDMN thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non được sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT, phát triển chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương, của nhà trường, quan tâm đến nhu cầu, khả năng và hứng thú của từng trẻ để có biện pháp tác động phù hợp với từng cá nhân trẻ nhất là đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Tích hợp các nội dung giáo dục kỹ năng phù hợp với lứa tuổi trong thực hiện Chương trình GDMN. Thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, theo quan điểm "*Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*", chú trọng cho trẻ hoạt động theo nhóm, nhằm phát huy tính tích cực hoạt động của trẻ trong các hoạt động học tập và vui chơi tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá giúp trẻ phát triển toàn diện...

* Kết quả thực hiện Mô hình trường học mới (VNEN): Thành phố Đông Hà áp dụng phương pháp dạy và học theo Mô hình trường học mới (VNEN) tại 03

trường tiểu học gồm: TH Hòa Bình, TH Kim Đồng (TH&THCS Phường 4), TH Lý Tự Trọng (TH&THCS Phường 3) và 02 trường THCS gồm: THCS Trần Quốc Toàn (TH&THCS Phường 3), THCS Nguyễn Huệ - chỉ áp dụng trong 2 năm học 2015-2016 và 2016-2017), kết quả đánh giá như sau:

- Về tổ chức lớp học: Đã làm tốt công tác tổ chức lớp học, không gian lớp học theo mô hình trường học mới. Thường xuyên sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập được trang trí ở trên lớp (*Bảng thi đua, Hộp thư vui, Hộp thư cá nhân ...*) vào quá trình học tập nhằm gây hứng thú học tập cho HS và tạo không khí lớp học thoải mái.

- Về phương pháp dạy học: Giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học một cách hiệu quả, lấy quá trình học của học sinh làm trung tâm. Rèn luyện cách học, cách tư duy cho học sinh. Học sinh được tự học, hoạt động, trải nghiệm, hợp tác từ đó có được năng lực mới (*kiến thức, kỹ năng, các phẩm chất, yếu tố khác của năng lực*). Sự thay đổi về phương pháp tổ chức dạy học đã tạo ra sự tiến bộ khá nhanh về năng lực tự học, năng lực hợp tác, tự quản, năng lực tự đánh giá kết quả học tập của học sinh. Học sinh tự tin hơn trong giao tiếp và trong các hoạt động giáo dục.

- Đối với các trường thực hiện chương trình hiện hành: Có rất nhiều giáo viên đã vận dụng phương pháp dạy học của mô hình trường học mới (VNEN) vào dạy học chương trình hiện hành một cách hiệu quả, xử lý các tình huống sư phạm phù hợp đối tượng và có tác dụng giáo dục; từng bước áp dụng đổi mới không gian lớp học có tác dụng cho việc dạy học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục.

* Kết quả thực hiện theo chương trình GDPT 2018: Các đơn vị trường học đã chú trọng xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường để thực hiện chương trình, hoạt động giáo dục theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các kế hoạch đã thể hiện được đặc điểm của nhà trường, mục tiêu giáo dục, khung thời gian thực hiện chương trình, phân phối thời gian thực hiện chương trình môn học và hoạt động giáo dục; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của khối, lớp; huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực để tổ chức thực hiện đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương; việc thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tự học, tự rèn luyện và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh. Việc dạy học theo chủ đề, dạy học tích hợp, giáo dục Stem, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật,... được tổ chức dưới nhiều hình thức đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học. Giáo viên cơ bản đã linh hoạt, thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên; Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đã nắm được yêu cầu của chương trình, sách giáo khoa mới, vận dụng vào thực tế tổ chức dạy học khá hiệu quả, dần khắc phục lối dạy học, kiểm tra đánh giá áp đặt một chiều, tích cực thay đổi phương

pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; học sinh được chuẩn bị đủ các điều kiện học tập, quá trình học đã từng bước phát huy năng lực học tập cá nhân, nhiều học sinh tự tin, mạnh dạn chia sẻ, hợp tác với bạn bè, thầy cô trong quá trình học tập và sinh hoạt. Kết quả học tập của học sinh học chương trình, sách giáo khoa mới cơ bản đáp ứng mục tiêu chương trình, học sinh không chỉ ghi nhớ mà còn hiểu và vận dụng vào thực tiễn do quá trình học tập được tham gia tìm hiểu, thực hành và khám phá, vận dụng.

c) Đa dạng hình thức học tập, như: hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

- Chỉ đạo thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, khám phá khoa học, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Thực hiện linh hoạt giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa với các hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh (*tổ chức giao lưu, sân chơi, cuộc thi...*).

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin được chú trọng thực hiện. Chỉ đạo các cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý, tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học và kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục, triển khai và sử dụng hiệu quả hệ thống cổng thông tin điện tử, Website của đơn vị. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông; tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng góp phần xây dựng chính quyền điện tử.

- Các đơn vị trường học đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dạy học, các hoạt động quản lý của các nhà trường đều được ứng dụng công nghệ thông tin như: Phần mềm kế toán Misa, Phần mềm quản lý tài sản, Hệ thống hỗ trợ kê khai thuế, Phần mềm kê khai bảo hiểm, Phần mềm tuyển sinh, Phần mềm quản lý thông tin trường học Vnedu, Phần mềm phổ cập, phần mềm xét tốt nghiệp, Hệ thống cổng thông tin cán bộ, công chức, viên chức, Phần mềm quản lý công văn đi đến, Phần mềm xếp thời khóa biểu, Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, CSDL ngành... Phát huy các điều kiện cơ sở vật chất hiện có; động viên đội ngũ giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin; phối hợp, thông tin, tuyên truyền đến phụ huynh học sinh chuẩn bị các điều kiện như máy tính, các thiết bị nghe, nhìn để tổ chức dạy học trực tuyến khi cần thiết. Từng bước sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử thay thế cho các loại hồ sơ, sổ sách hiện hành theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nhà trường và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Sử dụng hiệu quả hệ thống phòng họp trực tuyến trong toàn ngành, tính đến 31/12/2022 có 29/44 đơn vị có phòng họp trực tuyến liên thông với điểm cầu

chính tại phòng GD&ĐT để triển khai một số cuộc họp, hội nghị, chuyên đề trực tuyến.

d) Công tác giáo dục hướng nghiệp và dạy học ngoại ngữ

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9; tích cực tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong thời gian học tập, giúp các em tự đánh giá bản thân và biết lựa chọn nghề một cách có ý thức sau cấp học THCS và tổ chức dạy nghề cho 100% học sinh lớp 8 trong giai đoạn 2013-2020. Các trường cấp THCS nghiêm túc thực hiện sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh theo chương trình và tài liệu hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; tích cực tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong thời gian học tập, giúp các em tự đánh giá bản thân và biết lựa chọn nghề một cách có ý thức sau cấp học THCS. Đây là một vấn đề cấp thiết hiện nay vì giúp cho thanh thiếu niên chọn nghề một cách có cơ sở, giúp học sinh có được nhận thức đúng đắn hơn về nghề nghiệp, phát huy tối đa năng lực sáng tạo, nâng cao chất lượng cuộc sống, phù hợp với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, đồng thời đáp ứng được nhu cầu của xã hội, sử dụng lao động hợp lý, tránh lãng phí về đào tạo, góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội bền vững của địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2017-2021 và giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030. Đặc biệt, triển khai thực hiện tốt Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức có hiệu quả các sân chơi; tăng cường giáo dục cho học sinh kỹ năng hợp tác, kỹ năng sống để giúp các em tự tin trong học tập cũng như các hoạt động, việc hội nhập quốc tế. Chỉ đạo các đơn vị trường học phối hợp với các tổ chức, các Trung tâm Anh ngữ trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện các dự án tiềm năng và tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm tăng cường các kỹ năng cho học sinh, đặc biệt kỹ năng nói Tiếng Anh.

- Triển khai dạy Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh theo lộ trình của Bộ GD&ĐT; tiếp tục triển khai dạy học Chương trình tiếng Anh 10 năm ở các cơ sở giáo dục thực hiện các năm học trước. 100% các trường tiểu học, TH&THCS, THCS triển khai dạy học chương trình tiếng Anh 10 năm cho 100% học sinh lớp từ lớp 3 đến lớp 9. 100% các trường TH, TH&THCS đã triển khai dạy học Tự chọn làm quen tiếng Anh cho 100% học sinh lớp 1, lớp 2. 100% học sinh lớp 3, lớp 6, lớp 7 học Tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018.

- Các trường học triển khai các giải pháp thiết thực hiệu quả như: Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo các chủ đề, thành lập Câu lạc bộ, tổ chức sân chơi Hùng biện tiếng Anh trong các trường học và Hội thi tiếng Anh cho học sinh tiểu học cấp trường; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học bộ môn tiếng Anh như lắp đặt màn hình tivi tại các phòng học, khai thác hết hiệu quả của bảng tương tác trong các phòng bộ môn tiếng Anh.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

- Công tác đánh giá, kiểm tra được chú trọng đổi mới thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh theo hướng tiếp cận năng lực học sinh, chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Chuyển từ chủ yếu đánh giá kết quả học tập cuối môn học, khóa học (đánh giá tổng kết) nhằm mục đích xếp hạng, phân loại sang sử dụng các loại hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ sau từng chủ đề, từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học (đánh giá quá trình); Chuyển đánh giá từ một hoạt động gần như độc lập với quá trình dạy học sang việc tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học, xem đánh giá như là một phương pháp dạy học; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần được đổi mới đảm bảo phương châm: Dạy thật, học thật, đánh giá thật, chất lượng thật, hiệu quả cao.

- *Giáo dục mầm non*: Trẻ mầm non được đánh giá theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ GD&ĐT; Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ GD&ĐT và Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

- *Giáo dục tiểu học*: Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cụ thể như sau: Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 thực hiện theo Chương trình GDPT 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Đối với học sinh lớp 4, lớp 5 thực hiện theo Chương trình GDPT 2006, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016, Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

- *Giáo dục trung học cơ sở*: Đối với học sinh lớp 6, lớp 7 thực hiện theo Chương trình GDPT 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 về đánh giá học sinh THCS, THPT. Đối với học sinh lớp 8, 9 được đánh giá theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 28/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT ban hành theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

- Hệ thống trường, lớp ngày càng hoàn thiện, tính đến 31/12/2022, toàn thành phố có 12 trường mầm non công lập, 12 trường mầm non tư thục, 11 trường tiểu học, 03 trường TH&THCS, 06 trường THCS, 10 lớp mầm non, 07 lớp mẫu giáo độc lập và 32 nhóm trẻ độc lập (*so với năm 2013 tăng 07 trường mầm non,*

trong đó 01 trường công lập, 06 trường tư thục; tăng 06 lớp mầm non, mẫu giáo độc lập tư thục; giảm 57 nhóm trẻ độc lập; giảm 04 trường tiểu học do sáp nhập). Ngoài ra còn có các trường TH, THCS&THPT Trung Vương, trường Liên cấp CĐSP Quảng Trị, trường Hội nhập quốc tế Ischool do Sở GD&ĐT quản lý góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn thành phố.

- Chỉ đạo chú trọng xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông; học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập đảm bảo học sinh các cấp học có thể tham gia các cấp học cao hơn. Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9; tích cực tư vấn hướng nghiệp giúp học sinh biết lựa chọn nghề một cách có ý thức sau cấp học THCS và tổ chức dạy nghề cho 100% học sinh lớp 8 trong giai đoạn 2013-2020.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển hài hòa giáo dục công lập và giáo dục ngoài công lập, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục. Đến nay, toàn thành phố có 12 trường mầm non tư thục, 11 lớp mầm non, 07 lớp mẫu giáo độc lập và 32 nhóm trẻ độc lập (*tăng 06 trường mầm non tư thục; tăng 06 lớp mầm non, mẫu giáo độc lập tư thục; giảm 57 nhóm trẻ độc lập*), ngoài ra còn có các trường TH, THCS&THPT Trung Vương, trường Hội nhập quốc tế Ischool là các trường ngoài công lập do Sở GD&ĐT quản lý.

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

- Các cấp quản lý giáo dục đã thực hiện phân cấp mạnh mẽ, tạo động lực và tính chủ động, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường đi đôi với việc thực hiện tốt cơ chế công khai, minh bạch, bảo đảm dân chủ và sự giám sát của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường theo quy định

- Nhiều cơ sở giáo dục đã triển khai có hiệu quả cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh ở các cấp học. Xây dựng môi trường sư phạm dân chủ, bình đẳng, lành mạnh, thực hiện đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục.

- Các đơn vị trường học hoàn toàn tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch trên cơ sở điều kiện thực tế của đơn vị; hiệu trưởng nhà trường thực hiện quyền quản lý, sử dụng, đánh giá và đảm bảo các chế độ chính sách cho đội ngũ, toàn quyền trong việc triển khai dự toán chi nguồn ngân sách nhà nước được cấp và nguồn thu từ xã hội hóa theo các quy định của pháp luật. Các trường thực hiện quy định về công khai, chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước cấp trên và trước xã hội về chất lượng giáo dục; hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

a) Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đảm bảo số lượng và chất lượng

- Chỉ đạo UBND thành phố chỉ đạo Phòng GD&ĐT phối hợp với Phòng Nội vụ kiểm tra, rà soát để nắm bắt số liệu thực tế về số lớp, số học sinh và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, nhằm phân bổ số chỉ tiêu được giao đảm bảo phù hợp với từng đơn vị trường học. Chỉ đạo các trường học sắp xếp, bố trí giáo viên một cách hợp lý, sát với tình hình thực tế của từng đơn vị; đồng thời chủ động hợp đồng giáo viên giảng dạy theo tiết trong điều kiện thiếu biên chế để khắc phục khó khăn nhằm duy trì, ổn định nền nếp chuyên môn.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo quản lý: 32 trường. Tổng số biên chế được giao năm 2023 là 1107; tính đến tháng 01/2023 biên chế hiện có 1.045 người (*giảm 27 người so với năm 2013*). Số biên chế hiện có còn thiếu so với biên chế được giao năm 2023 là 62 người; thiếu so với quy định của thông tư liên bộ là 66,7 người. Cơ cấu bộ máy, cán bộ quản lý, giáo viên và các tổ chức trong nhà trường tiếp tục được kiện toàn, duy trì hoạt động.

- Trình độ đào tạo và chất lượng đội ngũ không ngừng được nâng lên. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên trong ngành luôn được quan tâm. Tính đến tháng 12/2022, tất cả cán bộ quản lý trường học có trình độ đào tạo Đại học (*trong đó có 18 Thạc sĩ*), có 95% cán bộ quản lý giáo dục có trình độ trung cấp lý luận chính trị, có 93,8% giáo viên đạt chuẩn đào tạo (*theo quy định chuẩn giáo viên tại Luật Giáo dục 2019*). Hiện có 30 giáo viên đang tham gia đào tạo đạt chuẩn theo quy định.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt; tận tụy với nghề, cần cù chịu khó, có tinh thần trách nhiệm cao, sáng tạo và quyết tâm tự bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới công tác quản lý và giáo dục hiện nay. Đây là điều kiện để chất lượng giáo dục và đào tạo thành phố luôn được giữ vững, ổn định và nâng lên, tích cực góp phần vào sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội thành phố và của tỉnh.

b) Đổi mới căn bản chính sách tuyển chọn, sử dụng nhà giáo và cán bộ quản lý, thực hiện các chính sách đối với nhà giáo

- Đã coi trọng việc đổi mới căn bản chính sách bổ nhiệm cán bộ quản lý các trường công lập thông qua việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án thi tuyển Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường công lập ở các cấp học thuộc thành phố Đông Hà. Trong 8 năm qua (2013-2021), thành phố đã tổ chức 6 kỳ thi tuyển và đã bổ nhiệm 23 chức danh hiệu trưởng và 33 chức danh phó hiệu trưởng. Trong năm

2022, đã tiến hành bổ nhiệm 02 chức danh hiệu trưởng (TH Đông Giang, TH&THCS Phường 2) theo Quyết định 1684 ngày 09/08/2022 của UBND thành phố.

- Chỉ đạo rà soát, sắp xếp điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường học đảm bảo theo quy định của pháp luật để tạo ra động lực mới, tránh sức ỳ và đảm bảo chất lượng đội ngũ cơ bản đồng đều giữa các đơn vị trường học.

- Thực hiện đảm bảo các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên nhân viên như: xét nâng lương định kỳ, nâng lương vượt khung, thâm niên nghề, thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên lần đầu, giải quyết nghỉ hưu theo chế độ.

- Chỉ đạo quyết liệt các đơn vị trường học làm tốt việc đánh giá phẩm chất, năng lực cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo chuẩn nghề nghiệp và đánh giá kết quả làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để sàng lọc, phân loại làm căn cứ để tinh giản biên chế.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng thường xuyên theo hướng thiết thực, bồi dưỡng những nội dung nhằm cập nhật kiến thức về chủ trương, quy định của Ngành; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực dạy học theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, theo yêu cầu nhiệm vụ từng năm học, yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục; về nội dung, phương pháp của chương trình giáo dục phổ thông mới; chú trọng đánh giá kết quả bồi dưỡng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Khuyến khích giáo viên bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định và đảm bảo chất lượng. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức hỗ trợ, phục vụ để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp. Tập trung bồi dưỡng giáo viên, nhân viên để thực hiện tốt nhiệm vụ khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

a) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa

- Sau nhiều năm tập trung các nguồn lực để phát triển giáo dục, đến nay hệ thống trường, lớp học của thành phố từng bước được đầu tư xây dựng kiên cố và được trang bị khá đầy đủ các điều kiện dạy học theo chuẩn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng tỉ lệ huy động học sinh đến trường. Đến nay, toàn thành phố có 100% trường học đã được kiên cố hoá và cao tầng hoá. Hệ thống phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập và các công trình phụ trợ khác được bổ sung khá hoàn chỉnh, từng bước đáp ứng với yêu cầu của giáo dục đô thị. Trang thiết bị và các phương tiện dạy học ngày càng được sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về đổi

mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW của BCH Trung ương khóa XI và việc thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Thành phố luôn quan tâm đầu tư có trọng điểm để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục, phấn đấu đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra. Bằng nhiều nguồn lực, thành phố đã đầu tư mua sắm các trang thiết bị hiện đại để giúp giáo viên có điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học. 100% trường học trên địa bàn thành phố đã có tivi thông minh để phục vụ công tác dạy học.

- Tổng số tiền đầu tư trong giai đoạn 2013-2022 là 294,422 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất là 279,087 tỷ đồng với tổng số công trình là 166 công trình, mua sắm trang thiết bị trường học là 10,744 tỷ đồng; đầu tư mua sắm thiết bị thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới là 4,6 tỷ đồng

- Bên cạnh đó, việc huy động từ xã hội hóa đã góp phần tích cực trong việc đầu tư các trường ngoài công lập, tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, hỗ trợ hoạt động dạy học và động viên khen thưởng học sinh, giáo viên có thành tích cao trong phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Đây là một nỗ lực rất lớn trong thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về đa dạng hóa các loại hình trường, lớp phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội; góp phần khắc phục và giải quyết khó khăn từ ngân sách nhà nước.

b) **Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực phát triển giáo dục, đào tạo**

- Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư, huy động tối đa các nguồn thu từ xã hội hóa, thu học phí; khuyến khích các khoản đóng góp tự nguyện, từ thiện cho giáo dục; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia phát triển giáo dục, trong đó có sự đầu tư của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Thống nhất toàn thành phố về lĩnh vực, quy trình, quản lý và sử dụng đối với công tác xã hội hóa. Công tác xã hội hóa giáo dục tập trung vào một số vấn đề: cải thiện và nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ việc học tập của học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục năng khiếu cho học sinh... Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ giáo dục, huy động sự đóng góp của cộng đồng xã hội để phát triển các hoạt động sự nghiệp, từng bước giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước. Huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia và các yếu tố đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động phát triển giáo dục trên địa bàn. Đa dạng hóa các loại hình trường lớp, mô hình học tập để đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng học tập của nhân dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Khuyến khích, đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài nhằm huy động, thu hút mọi lực lượng xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập, góp phần xây dựng phong trào giáo dục của các địa phương phát triển lành mạnh, từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của cả nước. Đồng thời, giúp đỡ, hỗ trợ đối với học sinh diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tiếp tục phát triển các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh nghèo học giỏi.

c) **Bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục**

- Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường lớp và quy mô nhà trường của các trường mầm non, tiểu học, TH&THCS, THCS trên địa bàn thành phố gắn với sự gia tăng dân số tại các phường và quy hoạch mở rộng các khu dân cư, khu công nghiệp.

- Chỉ đạo Phòng GD&ĐT phối hợp với Phòng Tài nguyên - Môi trường và Phòng Quản lý đô thị và các đơn vị liên quan tham mưu, rà soát quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị để nghiên cứu bố trí quỹ đất mở rộng khuôn viên các đơn vị trường học theo quy định, xây dựng mới các đơn vị trường học đã có trong quy hoạch. Trong giai đoạn 2013-2022, thành phố đã bố trí 27.089.000 m² đất để mở rộng và xây mới các đơn vị trường học.

- Chỉ đạo các trường xây dựng các phương án quy hoạch, mở rộng khuôn viên trường lớp, đảm bảo diện tích đất theo quy định của Điều lệ trường đối với từng cấp học, tạo điều kiện để mở rộng sân bãi phục vụ tốt các hoạt động của học sinh; chủ động quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch khuôn viên nhà trường, quan tâm xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

- Chỉ đạo các trường học tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh, xây dựng đề tài sáng kiến kinh nghiệm các hoạt động trong giáo viên nhằm phát triển năng lực học sinh như: Nghiên cứu khoa học kỹ thuật, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn, thi Hùng biện Tiếng Anh, Thuyết trình văn học, các Câu lạc bộ, Sân chơi... Đa số các đơn vị trường học đã tổ chức, tham gia tích cực các hoạt động giáo dục này, bước đầu đạt kết quả đáng khích lệ.

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên: Phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm (SKKN) được đội ngũ chú trọng nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Gắn tiêu chí có SKKN vào đánh giá, xếp loại thi đua

- Đối với học sinh: Các trường đã thành lập các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho học sinh, phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo

cho học sinh,...Chính vì vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong nhà trường đã có bước chuyển biến tích cực, các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật tham gia cuộc thi các cấp đạt kết quả cao.

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

- Chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2017-2021 và giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030. Đặc biệt, triển khai thực hiện tốt Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức có hiệu quả các sân chơi; tăng cường giáo dục cho học sinh kỹ năng hợp tác, kỹ năng sống để giúp các em tự tin trong học tập cũng như các hoạt động, việc hội nhập quốc tế.

- Chỉ đạo các đơn vị trường học phối hợp với các tổ chức, các Trung tâm Anh ngữ trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện các dự án tiềm năng và tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm tăng cường các kỹ năng cho học sinh, đặc biệt kỹ năng nói Tiếng Anh.

III. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm

- Việc đổi mới công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục và đào tạo chưa thật sự quyết liệt, chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra của Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Quản lý chất lượng giáo dục - đào tạo ở các cơ sở giáo dục - đào tạo thiếu tính toàn diện, đặc biệt chưa có giải pháp hữu hiệu để tăng cường giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức, kỹ năng sống, truyền thống văn hóa dân tộc cho học sinh các cấp.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục giảm, chưa đạt so với chỉ tiêu của kế hoạch đề ra. Mặc dù được bổ sung biên chế hàng năm tuy nhiên vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên biên chế trực tiếp đứng lớp ở một số bộ môn (*cấp tiểu học và cấp THCS*) và thiếu nhân viên; đa số các trường không có nhân viên y tế.

- Quy mô trường, lớp tại một số phường vùng ven thành phố có chiều hướng giảm, dẫn đến tình trạng mất cân đối trong quy hoạch, tạo ra áp lực trong công tác tuyển sinh ở các trường trung tâm và trở ngại trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục.

- Kinh phí đầu tư cho phát triển giáo dục hằng năm đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đặc biệt là đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Mặt khác theo các quy chuẩn mới thì CSVC của các nhà trường còn thiếu nhiều hạng mục phục vụ cho công tác dạy học: phòng học ở cấp tiểu học, các phòng học bộ môn, phòng làm việc, nhà đa chức năng...; Một số trường không đủ diện tích theo quy định, đặc biệt là ở khu vực trung tâm của thành phố. Việc mở rộng diện tích khó có khả năng thực hiện do quỹ đất bổ sung xung quanh các trường không có.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Các văn bản quy phạm pháp luật về công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được ban hành mới (có hiệu lực từ năm 2018) làm gián đoạn việc tổ chức thực hiện, thay đổi quy trình và các quy định, yêu cầu để công nhận đạt chuẩn đối với các cơ sở giáo dục. Các tiêu chí, tiêu chuẩn để được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia đề ra khá cao, nhất là tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học của nhà trường.

- Quá trình sáp nhập các trường TH và THCS trên địa bàn làm ảnh hưởng kết quả đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia của các đơn vị, nhiều trường học phải thực hiện lại quá trình tự đánh giá theo quy định hoặc mất chuẩn khi được đánh giá, công nhận lại.

- Hệ thống trường, lớp trên địa bàn phần lớn được xây dựng từ lâu, trong quá trình phát triển bộc lộ nhiều hạn chế như: diện tích đất của một số trường không đủ chuẩn quy định, phòng học chật hẹp, thiếu hệ thống phòng học chức năng, phòng phục vụ học tập, nhà hiệu bộ, sân chơi bãi tập, phương tiện thực hành giáo dục thể chất... trong khi các điều kiện theo chuẩn CSVC tối thiểu được quy định mới là quá cao.

- Kinh phí đầu tư cho phát triển giáo dục hằng năm đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu so với các quy chuẩn mới. Mặt khác, do Đông Hà là thành phố nên không được thụ hưởng các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn kinh phí huy động từ chủ trương xã hội hóa chủ yếu hỗ trợ cho nhà trường thực hiện các phần việc mang tính nhỏ lẻ.

- Các cơ sở giáo dục xây dựng ở giai đoạn trước chưa được quy hoạch tổng thể, một số công trình lớp học, phòng học bộ môn chưa đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn quốc gia. Một số trường, đặc biệt là các trường mầm non ngoài công lập có diện tích đất không đảm bảo; thiếu phòng chức năng; quy cách phòng học không đúng chuẩn... nên khó được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

- Một bộ phận phụ huynh thiếu sự quan tâm, giao phó trách nhiệm trong việc giáo dục con em cho nhà trường, dẫn đến tình trạng học sinh thiếu ý thức trong học tập, rèn luyện.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cán bộ quản lý còn hạn chế về năng lực điều hành và tổ chức các hoạt động, còn rập khuôn máy móc, tự phát không theo quy trình, kế hoạch; tính chủ động, sáng tạo chưa cao, chưa bắt kịp yêu cầu đổi mới giáo dục, chưa nhận được sự đồng thuận, sự tin nhiệm của giáo viên, nhân viên trong nhà trường; thiếu sự quán xuyến, thiếu rà soát để bổ sung, hoàn thiện và thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường. Vẫn còn cán bộ quản lý yếu kém về năng lực lãnh, chỉ đạo hoạt động của đơn vị dẫn đến xảy ra sai phạm trong nguyên tắc quản lý tài chính.

- Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh ở một số trường chưa thực chất, không đồng đều. Công tác giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh tại một số trường được thực hiện chủ yếu bằng con đường giáo dục nhận thức, chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động giáo dục bằng tình huống cụ thể,... Vì vậy vẫn có trình trạng học sinh chưa thay đổi từ nhận thức đến hành động, hiện tượng nói tục, chửi thề, bạo lực học đường vẫn còn xảy ra.

- Công tác triển khai quán triệt các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của một số trường học chưa thực hiện tốt, vẫn còn hiện tượng một số giáo viên, nhân viên không nghiên cứu văn bản dẫn đến không nắm được các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp.

- Một số đơn vị trường học chưa thực sự quyết liệt trong tham mưu, chỉ đạo và thực hiện kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia dẫn đến thực hiện chưa bảo đảm đúng tiến độ và kế hoạch đề ra.

IV. Một số mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

Việc thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2017-2021, định hướng đến năm 2025 và giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 đã thực sự tạo chuyển biến về mọi mặt chất lượng giáo dục đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ... trong ngành giáo dục thành phố.

V. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

- Công tác quản lý nhà nước, quản trị nhà trường còn bất cập, trách nhiệm còn chồng chéo; Hội đồng trường các cơ sở giáo dục hoạt động chưa thực chất, chưa phát huy tốt vai trò của Hội đồng trường.

- Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn chưa được giải quyết triệt để; chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, còn một bộ phận giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

- Công tác truyền thông về giáo dục còn hạn chế, chưa tạo được đồng thuận cao trong xã hội khi bắt đầu triển khai nhiều chủ trương, chính sách mới của ngành.

VI. Một số bài học kinh nghiệm

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm tạo sự đồng thuận cao và huy động sự tham gia của xã hội vào công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục.

- Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, xem đây là giải pháp đột phá, đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện tốt đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục điều chỉnh quy hoạch phát triển, sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới và hệ thống giáo dục đào tạo, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ yêu cầu đổi mới.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo, chủ động hội nhập quốc tế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI

I. Dự báo tình hình

1. Đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo trong những năm sắp đến

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: *“Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hoá giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng”* bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân mới theo các mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và gắn với quy hoạch nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng, ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ số trong giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo; coi trọng dạy, học và sử dụng tiếng Anh.

2. Cơ chế chính sách của Nhà nước

Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 08/6/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ:

- Xây dựng đội ngũ đảng viên trong ngành Giáo dục có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng và tính chuyên nghiệp cao; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; có cơ chế khuyến khích, tạo động lực để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được

giao; tạo cơ hội, môi trường để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo; xây dựng, thực hiện một số cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung các chính sách về thu hút, trọng dụng nhân tài; đào tạo nhân lực chất lượng cao. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục.

- Hướng dẫn việc rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, bảo đảm điều kiện để thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, đẩy mạnh dạy và học trực tuyến, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục mầm non mới, phù hợp với điều kiện thực tiễn; tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm chất lượng và hiệu quả; Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo.

- Cơ cấu lại hệ thống cơ sở giáo dục để sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên theo hướng linh hoạt để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định. Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục, địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025, bảo đảm cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình giáo dục mầm non.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

3. Định hướng và mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo của thành phố

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đổi mới nội dung, chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Xây dựng đội ngũ nhà giáo tâm huyết và nêu gương; duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn. Coi trọng giáo dục phẩm chất đạo đức, kỷ luật học đường, trang bị kiến thức và kỹ năng sống cho học sinh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo, các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng “thành phố học tập”. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục. Phấn đấu huy động trẻ mẫu giáo đạt từ 90% trở lên. Tỷ lệ học sinh hoàn thành tiểu học và tốt nghiệp trung học cơ sở đạt trên 99%.

- Chú trọng công tác định hướng và giáo dục nghề nghiệp, tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp; đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố thích ứng tốt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường học đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia. Tiếp tục thực hiện chủ trương kiên cố hóa, cao tầng hóa và hiện đại hóa trường học. Phần đầu đến năm 2025 có 82% trường công lập trực thuộc đạt chuẩn quốc gia.

- Tăng cường đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao để thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố

- Trong những năm qua, với sự nỗ lực, đoàn kết Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đã vượt qua khó khăn thách thức, tập trung thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao; cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, công nghiệp và dịch vụ chuyển biến tích cực, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển đạt nhiều kết quả, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được nâng cấp, mở rộng khá nhanh, góp phần cải thiện điều kiện sản xuất, kinh doanh, phục vụ tốt hơn đời sống dân cư và cải thiện điều kiện đầu tư, diện mạo đô thị ngày càng khởi sắc.

- Một số lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục nâng lên; văn hóa - xã hội, văn minh đô thị có nhiều tiến bộ rõ nét. Quản lý nhà nước dần đi vào nề nếp, các chính sách của thành phố đã góp phần khai thác tốt hơn các nguồn lực xã hội. Tình hình an ninh chính trị ổn định, quốc phòng được củng cố, an ninh được giữ vững. Do đó, khả năng thực hiện xã hội hóa và huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố trong giai đoạn mới là hoàn toàn khả quan.

5. Tác động của xu thế phát triển và hội nhập quốc tế

- Xu thế toàn cầu hoá đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, tác động đến sự phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Việc gia nhập các tổ chức quốc tế dẫn đến khả năng gia tăng các luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nước ta. Sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ đang ngày càng đóng vai trò quan trọng. Nền kinh tế tri thức bắt đầu mang tính phổ biến trên toàn cầu, trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển.

- Trước xu thế phát triển và hội nhập quốc tế, Quảng Trị có những bước đi ban đầu trong hợp tác đào tạo như gửi sinh viên Quảng Trị sang học tập ở Thái Lan, Lào và ngược lại; chi viện nhiều giáo viên mầm non, tiểu học sang giảng dạy cho con em Việt kiều ở Lào. Trong tương lai cần có sự hợp tác rộng rãi và mạnh

mẽ hơn nữa với nhiều quốc gia để đào tạo được nguồn nhân lực cao cho Quảng Trị nói chung và thành phố Đông Hà nói riêng.

II. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Công tác lãnh, chỉ đạo và quản lý giáo dục

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước trong giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cấp, các ngành và cán bộ, đảng viên, nhân dân về công tác giáo dục và đào tạo. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, cá nhân bằng hoạt động thiết thực của mình triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động, nghị quyết, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về giáo dục và đào tạo của thành phố trong thời gian tới.

- Chỉ đạo các đơn vị trường học tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hiệu trưởng nhà trường trong việc thực hiện quy trình quản lý và chất lượng, hiệu quả của nhà trường.

- Tích cực, chủ động trong công tác tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp quản lý giáo dục, của đội ngũ nhà giáo và cộng đồng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn.

- Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch năm học, đổi mới công tác thi đua khen thưởng, đổi mới công tác kiểm tra nhằm đảm bảo kỉ cương và tạo động lực thúc đẩy sự phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng giáo dục, nhất là đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Triển khai kế hoạch đánh giá, kiểm định chất lượng các đơn vị trường học hàng năm, đồng thời, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp làm cơ sở để thực hiện các quy định về công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chấn chỉnh công tác thu, đóng góp tự nguyện của cha mẹ học sinh; chấm dứt tình trạng lạm thu, lạm chi trong trường học. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

2. Quy hoạch mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất- kĩ thuật phục vụ công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường lớp và quy mô nhà trường của các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn thành phố gắn với sự gia tăng dân số tại các phường và quy hoạch mở rộng các khu dân cư, khu công nghiệp tập trung. Xây dựng lộ trình tăng hoặc giảm số lớp hợp lí, đảm bảo các trường không vượt quá số lớp theo quy định; thực hiện giảm số học sinh trên lớp theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Trên cơ sở đó, tiến hành các bước đầu tư xây mới trường lớp; củng cố, nâng cấp cơ sở

vật chất; mua sắm bổ sung thiết bị dạy học theo đúng quy chuẩn để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Xây dựng các phương án quy hoạch, mở rộng khuôn viên trường lớp, đảm bảo diện tích đất theo quy định của Điều lệ trường đối với từng cấp học đảm bảo xây dựng chuẩn trường quốc gia theo quy định.

- Cân đối ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, tài chính; tăng cường chỉ đạo chuyên môn đối với các trường khó khăn, những trường ở xa trung tâm... nhằm từng bước giảm sự chênh lệch về phát triển giáo dục ở các phường trung tâm thành phố và các phường xa trung tâm thành phố.

3. Nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt, làm thay đổi căn bản nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý trường học, giáo viên về vai trò, bản chất đổi mới phương pháp dạy học, từ đó làm cho việc đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường trở thành một hoạt động tự giác, thường xuyên và hiệu quả. Kiên quyết loại bỏ lối dạy học truyền thụ kiến thức một chiều về đọc-chép, triển khai các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và tích cực chăm lo bồi dưỡng, đào tạo học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; đổi mới mạnh mẽ cách dạy, cách học để nâng cao chất lượng dạy - học các môn khoa học xã hội - nhân văn; chú trọng dạy học lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục kiến thức pháp luật, giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa của quê hương, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; quan tâm giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau THCS.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hỗ trợ chuyên môn, điều kiện cho các trường quy mô nhỏ, trường vùng ven thành phố. Thường xuyên quan tâm, giúp đỡ học sinh, đặc biệt là đối với những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, các em học yếu nhằm khuyến khích, động viên, tạo động lực để các em phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn luyện. Tổ chức các "sân chơi" hấp dẫn, phù hợp để học sinh được tham gia hoạt động trải nghiệm, khám phá, trau dồi phẩm chất, năng lực, giảm thiểu áp lực học tập, thi cử.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non. Tiếp tục dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng kết hợp với việc thực hiện linh hoạt chương trình phù hợp với đối tượng học sinh tiểu học, THCS. Tăng thời lượng hướng dẫn, luyện tập ở trường, đồng thời, phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc quản lý, phát huy vai trò tự học của con em ở nhà nhằm phát huy năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo của học sinh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chú trọng công tác dạy học trực tuyến, hội nghị trực tuyến góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và tổ chức các hoạt động dạy học; cập nhật đầy đủ và đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành; triển khai

ứng dụng hội nghị truyền hình trực tuyến trong chỉ đạo, điều hành từ Phòng đến các đơn vị trường học. Cập nhật, bổ sung, khai thác hiệu quả hệ thống ngân hàng câu hỏi, kho học liệu số, kho bài giảng e-learning trong toàn ngành. Hội đồng bộ môn các cấp học sâu tầm, hệ thống hóa các bài giảng môn học có chất lượng tốt đã được số hóa đưa lên Cổng thông tin điện tử của Phòng và các đơn vị để cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tham khảo, học tập.

- Chuẩn bị mọi điều kiện để triển khai thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trong các năm tiếp theo.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trường học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn về nghề nghiệp. Chỉ đạo UBND thành phố đề xuất với UBND tỉnh, Sở Nội vụ giao chỉ tiêu biên chế đáp ứng với quy mô trường lớp và hình thức tổ chức dạy học theo quy định. Đổi mới cách thức, phương pháp, các khâu trong quy trình tuyển dụng để nâng cao chất lượng đầu vào. Tạo điều kiện tiếp nhận giáo viên có năng lực chuyên môn giỏi. Thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để điều hòa chất lượng đội ngũ các trường.

- Tiếp tục làm tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý hàng năm. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng dự nguồn được tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý và lý luận chính trị. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; tiếp tục thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua trong toàn ngành; xây dựng, phát hiện và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; tích cực phát triển đảng trong trường học.

- Chỉ đạo quán triệt, nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ trong công tác tự học, tự rèn chuyên môn nghiệp vụ. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với nhu cầu của người học. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên cốt cán để tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng phục vụ yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa thời gian sắp đến.

- Chỉ đạo xây dựng các chế độ, chính sách ưu tiên và động viên đối với đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, giáo viên dạy giỏi. Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học theo chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo và theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ làm cơ sở để sắp xếp lại vị trí việc làm và thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế theo quy định.

- Thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, dân chủ, khách quan, đúng thực chất để làm cơ sở cho việc sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ. Kiên quyết xử lý

nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu và cá nhân vi phạm quy định của nhà nước, của ngành, hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Chuẩn bị đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu chương trình mới (lớp 4, lớp 8 và các lớp tiếp theo). Làm tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đảm bảo dân chủ công khai, minh bạch nhằm chọn lựa cán bộ có uy tín, có năng lực quản lý.

5. Tăng cường nguồn lực về tài chính

- Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư, huy động tối đa các nguồn thu từ xã hội hóa, thu học phí; khuyến khích các khoản đóng góp tự nguyện, từ thiện cho giáo dục; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia phát triển giáo dục, trong đó có sự đầu tư của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Ưu tiên đầu tư có trọng điểm các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đối với các hạng mục công trình cần thiết, cấp bách theo lộ trình hợp lý như: phòng học, nhà vệ sinh, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, nhà hiệu bộ...

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

- Tăng cường phối hợp thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương; phát huy vai trò Ban Đại diện cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học...; thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục ở địa phương, nhà trường.

- Xã hội hóa đầu tư phát triển giáo dục thành phố. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động phát triển giáo dục trên địa bàn. Phát triển hệ thống trường tư thục, các lớp mẫu giáo và nhóm trẻ độc lập với các điều kiện đảm bảo theo quy định của pháp luật. Phối hợp với cha mẹ học sinh, cơ quan y tế thực hiện tốt công tác bán trú trong nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động các trung tâm học tập đồng nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Khuyến khích và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục; tạo cơ hội cho mọi người, mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tiến tới một xã hội học tập.

- Khuyến khích, đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài nhằm huy động, thu hút mọi lực lượng xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập, góp phần xây dựng phong trào giáo dục của các địa phương phát triển lành mạnh, từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của cả nước. Đồng thời, giúp đỡ, hỗ trợ đối với học sinh diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tiếp tục phát triển các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh nghèo học giỏi.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh sớm tham mưu chính sách ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục thành phố Đông Hà đáp ứng với nhiệm vụ nâng cấp, phát triển đô thị và theo quy định. Chỉ đạo các Sở ban ngành liên quan rà soát và giao đủ biên chế cho các đơn vị trường học theo các văn bản hiện hành, nhằm tháo gỡ những khó khăn trong công tác đội ngũ, tạo điều kiện để các trường hoàn thành nhiệm vụ.

2. Kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh tham mưu ban hành các quy định cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục, các quy định về chính sách xã hội hóa các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông để có cơ sở giao quyền tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, giảm áp lực cắt giảm biên chế hàng năm.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI của Thành ủy Đông Hà./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo),
- Ban Tuyên giáo, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Sở Giáo dục và Đào tạo,
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP,
- Các Ban đảng và VP Thành ủy,
- Các phòng, ban, ngành và các đoàn thể TP,
- Các TCCS đảng trực thuộc,
- Các đ/c Thành ủy viên,
- Lưu VP Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Chiến Thắng

Phụ lục 1

**MỘT SỐ VĂN BẢN BAN HÀNH CỤ THỂ HÓA NGHỊ QUYẾT 29-NQ/TW
Giai đoạn 2013 – 2023**

(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU ngày / /2023 của Thành ủy Đông Hà)

TT	Cơ quan ban hành	Tên đầy đủ của văn bản	Ngày có hiệu lực
----	------------------	------------------------	------------------

I	THÀNH ỦY		
1	Chương trình Hành động số 13	Chương trình hành động số 13-CTHĐ/TU ngày 30/9/2014 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".	30/9/2014
II	HĐND THÀNH PHỐ		
1	Nghị quyết số 07/2016/NQ- HĐND	Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua Đề án phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2017-2021, định hướng đến năm 2025	20/12/2016
2	Nghị quyết số 152/NQ- HĐND	Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 về việc thông qua Đề án phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030	22/7/2022
III	UBND THÀNH PHỐ		
1	Kế hoạch số 223/KH- UBND	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 03/3/2015 về việc thực hiện Chương trình hành động số 13-CTHĐ/TU ngày 30/9/2014 của Thành ủy.	03/3/2015
2	Kế hoạch số 683/KH- UBND	Kế hoạch số 683/KH-UBND ngày 02/7/2014 thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập trên địa bàn thành phố giai đoạn 2014-2020.	02/7/2014
3	Quyết định số 2216/QĐ- UBND	Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2015-2020" trên địa bàn thành phố Đông Hà.	28/9/2015
4	Quyết định số 06/QĐ- UBND	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 về Quy định thi tuyển Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường công lập trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố.	06/01/2016
5	Đề án số 1885/ĐA- UBND	Đề án số 1885/ĐA-UBND ngày 13/12/2016 về phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2017 - 2021, định hướng đến năm 2025.	13/12/2016
6	Kế hoạch số 887/KH- UBND	Kế hoạch số 887/KH-UBND ngày 25/5/2017 về thực hiện Đề án phát triển giáo dục - đào tạo thành phố giai đoạn 2017 - 2021, định hướng đến năm 2025.	25/5/2017
7	Kế hoạch số 1609/KH- UBND	Kế hoạch số 1609/KH-UBND ngày 22/9/2017 về xây dựng và phát triển trường chuẩn Quốc gia 2017-2021 trên địa bàn thành phố.	22/9/2017
8	Kế hoạch số 2378/KH-	Kế hoạch số 2378/KH-UBND ngày 18/12/2017 về đào tạo,	18/12/2017

	UBND	bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.	
9	Kế hoạch số 1385/KH-UBND	Kế hoạch số 1385/KH-UBND ngày 11/7/2018 về triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2017-2025.	11/7/2018
10	Kế hoạch số 1658/KH-UBND	Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 20/8/2018 về phát triển giáo dục Mầm non trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2018-2025.	20/8/2018
11	Kế hoạch số 1042/KH-UBND	Kế hoạch số 1042/KH-UBND ngày 17/6/2019 về “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025” trên địa bàn thành phố Đông Hà.	17/6/2019
12	Kế hoạch số 950/KH-UBND	Kế hoạch số 950/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND thành phố về kế hoạch xóa mù chữ đến năm 2020, thành phố Đông Hà	04/6/2019
13	Kế hoạch số 45/KH-UBND	Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 9/01/2020 về triển khai chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới đến năm 2025.	9/01/2020
14	Quyết định 1156/QĐ-UBND	Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 về ban hành Quy chế đánh giá, phân loại và Bộ tiêu chí về đánh giá, phân loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên và nhân viên các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Đông Hà.	29/6/2020
15	Kế hoạch số 2096/KH-UBND	Kế hoạch số 2096/KH-UBND ngày 29/10/2020 thực hiện nâng chuẩn trình độ được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS năm 2020.	29/10/2020
16	Kế hoạch số 2850/KH-UBND	Kế hoạch số 2850/KH-UBND ngày 31/1/2021 của UBND thành phố Đông Hà về kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Đông Hà.	31/1/2021
17	Kế hoạch số 630/KH-UBND	Kế hoạch số 630/KH-UBND ngày 07/4/2021 về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025.	07/4/2021
18	Kế hoạch 1895/KH-UBND	Kế hoạch 1895/KH-UBND ngày 06/9/2021 về xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021-2025.	06/9/2021
19	Quyết định số 48/QĐ-	Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện	11/01/2022

	theo học	thiếu số, học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn		ngoài công lập	học	kiên cố		đạt chuẩn
2013	4916	462	17	6	116	86	399	399
2014	4479	445	18	7	127	94	297	297
2015	4400	439	18	7	162	127	333	333
2016	5029	501	19	8	176	148	381	381
2017	5747	572	22	11	208	171	412	412
2018	6652	655	24	12	221	198	434	434
2019	6737	677	24	12	248	212	539	539
2020	6211	610	24	12	265	252	496	496
2021	5511	534	24	12	307	294	523	523
2022	5927	587	24	12	310	288	502	502

Phụ lục 3

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 – 2023

(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU ngày / /2023 của Thành ủy Đông Hà)

NĂM	HỌC SINH		CƠ SỞ VẬT CHẤT				GIÁO VIÊN	
	Tổng số học	Số học sinh	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Số phòng	Tổng số giáo	Tổng số giáo

	sinh theo học	dân tộc thiểu số, học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn	trường	trường ngoài công lập	phòng học	học viên cố	viên	viên đạt chuẩn
2013	7592	719	15	0	224	188	359	359
2014	7711	689	15	0	224	188	367	367
2015	7947	686	15	0	224	203	368	368
2016	7807	671	15	0	234	222	371	371
2017	8192	679	15	0	242	232	371	371
2018	8479	655	14	0	248	238	393	393
2019	8585	682	14	0	254	237	354	354
2020	8640	649	14	0	257	244	391	382
2021	9248	681	14	0	257	248	387	379
2022	9183	613	14	0	256	248	381	376

* (Giai đoạn 2019-2022: Có 03 trường TH&THCS)

Phụ lục 4

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 – 2023

(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU ngày / /2023 của Thành ủy Đông Hà)

NĂM	HỌC SINH		CƠ SỞ VẬT CHẤT				GIÁO VIÊN	
	Tổng số học	Số học sinh	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Số phòng	Tổng số giáo	Tổng số giáo

	sinh theo học	dân tộc thiểu số, học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn	trường	trường ngoài công lập	phòng học	học kiên cố	viên	viên đạt chuẩn
2013	4904	763	9	0	90	86	284	284
2014	5275	669	9	0	96	94	276	276
2015	5526	649	9	0	107	104	272	272
2016	5806	655	9	0	94	92	256	256
2017	6065	657	9	0	105	102	265	265
2018	6262	675	9	0	107	104	259	259
2019	6277	655	9	0	107	104	272	272
2020	6432	626	9	0	114	114	283	275
2021	6124	646	9	0	101	101	291	278
2022	6146	616	9	0	101	101	291	278

* (Giai đoạn 2019-2022: Có 03 trường TH&THCS)

Phụ lục 6

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 – 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU ngày / /2023 của Thành ủy Đông Hà)

Năm	SINH VIÊN		CƠ SỞ VẬT CHẤT				GIẢNG VIÊN	
	Tổng số học sinh theo học nghề	Số sinh viên theo học nghề sau tốt nghiệp THCS	Tổng số cơ sở GDNN	Số cơ sở GDNN ngoài công lập	Số cơ sở đào tạo sơ, trung cấp	Số cơ sở đào tạo cao đẳng	Tổng số nhà giáo GDNN	Số nhà giáo GDNN đạt chuẩn
2013	2314	42	1	0	x	x	x	x
2014	2198	45	1	0	x	x	x	x
2015	3101	49	1	0	x	x	x	x
2016	2515	43	1	0	x	x	x	x
2017	2818	55	1	0	x	x	x	x
2018	3134	94	1	0	x	x	x	x
2019	2955	101	1	0	x	x	x	x
2020	3112	141	1	0	x	x	5	5
2021	1612	192	1	0	x	x	5	5
2022	1719	279	1	0	x	x	5	5

Phụ lục 7

MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU ngày / /2023 của Thành ủy Đông Hà)

Năm	TIẾP CẬN VÀ CÔNG BẰNG GIÁO DỤC					CHỈ SỐ VỀ NGUỒN NHÂN LỰC			
	Tỉ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo	Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6	Tỉ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS	Tỉ lệ HS theo học nghề sau THCS	Số sinh viên/vạn dân;	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	Tỉ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ	Chỉ số nguồn nhân lực (HCI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)
2013	87,2	99,3	0,55	3,63	x	x	x	x	x
2014	86,7	99,1	0,3	3,83	x	x	x	x	x
2015	95,1	98,9	0,32	4,5	x	x	x	x	x
2016	87,3	99,1	0,05	3,53	x	x	x	x	x
2017	85,6	99,5	0,24	3,73	x	x	x	x	x
2018	86,51	100	0,18	6,38	x	x	x	x	x
2019	90,84	99,5	0,04	6,47	x	x	x	x	x
2020	92,1	99,52	0,1	7,03	x	x	x	x	x
2021	89,2	99,64	0,017	10,07	x	x	x	x	x
2022	87,2	97,3	0,013	16,2	x	x	x	x	x